

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHẤT LƯỢNG CAO (TIẾNG ANH BÁN PHẦN)**

(Ban hành theo Quyết định số 881 /QĐ – ĐHNH ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

1. Thông tin chung:

- Ngành đào tạo : **KẾ TOÁN
ACCOUNTING**
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Hình thức đào tạo : CHÍNH QUY TẬP TRUNG
- Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
- Tổng số lượng tín chỉ: 123

2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, quản trị, tài chính, kế toán nói chung và có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về kế toán, kiểm toán nói riêng; có phẩm chất tốt, có năng lực nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp cao trong điều kiện ảnh hưởng của tiến bộ công nghệ, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong nước và quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

| Chuẩn đầu ra | Nội dung Chuẩn đầu ra | Mức độ theo thang đo |
|--------------|---|----------------------|
| PLO1 | Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế | 3 |
| PLO2 | Khả năng tư duy phản biện | 3 |
| PLO3 | Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế | 3 |
| PLO4 | Thể hiện tính chủ động và tích cực trong học tập nghiên cứu đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời | 3 |

| | | |
|------|--|---|
| PLO5 | Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội | 3 |
| PLO6 | Khả năng vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán | 4 |
| PLO7 | Khả năng tham gia xây dựng và phát triển giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán | 5 |
| PLO8 | Khả năng nhận biết, nắm bắt và thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán | 5 |

4. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

| Chuẩn đầu ra | | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 |
|--------------|-------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| STT | Tên môn học | | | | | | | | |
| 1 | Triết học | X | X | X | | | | | |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | X | X | X | | | | | |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | X | X | X | | | | | |
| 4 | Lịch sử Đảng CSVN | X | X | X | | | | | |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | X | X | X | | | | | |
| 6 | Toán cao cấp 1 | X | X | | | | X | | |
| 7 | Toán cao cấp 2 | X | X | | | | X | | |
| 8 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | X | X | | | | X | | |
| 9 | Pháp luật đại cương | X | X | | | | X | | |
| 10a | Tâm lý học | X | | X | | X | | | |
| 10b | Logic ứng dụng trong kinh doanh | X | X | | | | | X | |
| 11 | Kinh tế vi mô | X | X | | X | | | | |
| 12 | Kinh tế vĩ mô | X | X | | X | | | | |
| 13 | Nhập môn ngành kế toán | | | | X | X | | | X |
| 14 | Nguyên lý kế toán | X | | | | X | X | | |
| 15 | Luật kinh doanh | X | | X | | X | | | |
| 16 | Nguyên lý Marketing | X | | X | X | | | | |

| | | | | | | | | | |
|-----|--|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Tin học ứng dụng | | | X | X | | X | | |
| 18 | Kinh tế lượng | X | X | | | | X | | |
| 19 | Quản trị học | X | X | | | X | | | |
| 20 | Lý thuyết tài chính - tiền tệ | | | X | | | X | | X |
| 21 | Tài chính doanh nghiệp | | | | | X | X | | X |
| 22 | Kế toán tài chính | | | | X | X | X | | |
| 23 | Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán | | | X | X | | | | X |
| 24 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | X | X | | X | | | | |
| 25a | Thị trường tài chính và ĐCTC | | | | | | X | X | X |
| 26a | Hoạt động kinh doanh ngân hàng | | | | | X | X | | X |
| 27a | Thuế | | | | | | X | X | X |
| 28a | Thẩm định giá tài sản | | | | | X | X | | X |
| 29a | Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số | | | | | | X | X | X |
| 30a | Thanh toán quốc tế | | | | | X | X | X | X |
| 31a | Phân tích tài chính doanh nghiệp | | | | | | X | X | X |
| 25b | Cơ sở lập trình | | | | X | | | X | X |
| 26b | Phân tích dữ liệu kế toán với Python | | | | | | X | X | X |
| 27b | Trực quan hóa dữ liệu kế toán với Python | | | | | | X | X | X |
| 32 | Kiểm toán căn bản | | | | | X | X | | X |
| 33 | Hệ thống thông tin kế toán | | | X | X | | X | | |
| 34 | Kế toán quốc tế | | | X | X | | X | | |
| 35 | Kế toán ngân hàng | | | | | X | | X | X |
| 36 | Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù | | | | X | | X | X | |
| 37a | Kế toán công | | | | X | X | X | | |
| 38a | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao | | | | X | | X | | X |
| 39a | Kế toán quốc tế nâng | | | | X | | X | | X |

| | | | | | | | | | |
|-----|---|--|---|---|---|---|---|---|---|
| | cao | | | | | | | | |
| 40a | Kế toán Ngân hàng nâng cao | | | | | X | X | | X |
| 41a | Kiểm soát nội bộ | | | X | | X | X | | |
| 37b | Phân tích dữ liệu kế toán với Python nâng cao | | | | | | X | X | X |
| 38b | Học máy cho kế toán với Python | | | | | | X | X | X |
| 39b | Chuỗi khối ứng dụng trong tài chính, kế toán | | | | | | X | X | X |
| 40b | Kiểm toán công nghệ thông tin | | | | | | X | X | X |
| 42 | Kế toán chi phí | | | | X | X | X | | |
| 43 | Kế toán quản trị | | | | | X | X | | X |
| 44 | Kế toán tài chính nâng cao | | | | | X | X | | X |
| 45 | Kiểm toán báo cáo tài chính | | | | | | X | X | X |
| 46 | Kiểm toán ngân hàng | | | | | X | X | | X |
| 47 | Thực tập tốt nghiệp | | | | X | | X | X | |
| 48 | Khoá luận tốt nghiệp | | X | | X | | | X | X |

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh hoặc làm việc tại các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, cơ quan của chính phủ trong và ngoài nước.

Về vị trí công việc cụ thể, sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận tài chính, kiểm soát nội bộ, kế toán, kiểm toán; chuyên viên kế toán nghiệp vụ và tổng hợp; chuyên viên phân tích đầu tư và quản lý vốn, quản lý rủi ro; kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ hoặc tại các công ty kiểm toán độc lập; chuyên viên hệ thống thông tin kế toán.

Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể trở thành những nghiên cứu viên ở các Trung tâm, Viện nghiên cứu; giảng viên tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường đại học trong và ngoài nước.

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 123 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ).

Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo chất lượng cao gồm:

- Khối kiến thức Giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 123 tín chỉ
- Khối kiến thức tiếng Anh tăng cường: 20 tín chỉ
- Chương trình huấn luyện kỹ năng mềm: 08 tín chỉ

7. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo chỉ tiêu tuyển sinh đại học hệ chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;
- Sinh viên có nguyện vọng đăng ký theo học chương trình đào tạo chất lượng cao sau khi đã trúng tuyển và làm thủ tục nhập học trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

9. Kết cấu và nội dung chương trình

9.1. Kết cấu chương trình đào tạo

| STT | Khối kiến thức | Số học phần | Số tín chỉ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------|-------------|------------|-----------|
| 1 | Giáo dục đại cương | 10 | 22 | 17.89 |
| 2 | Giáo dục chuyên nghiệp | 32 | 101 | 82.11 |
| 2.1 | Cơ sở ngành | 17 | 50 | 40.65 |
| 2.2 | Ngành | 8 | 24 | 19.51 |
| 2.3 | Chuyên ngành | 7 | 27 | 21.95 |

| | | | | |
|--|------------------|-----------|------------|------------|
| | Tổng cộng | 42 | 123 | 100 |
|--|------------------|-----------|------------|------------|

9.2. Nội dung chương trình đào tạo

| STT | TÊN HỌC PHẦN | Số tín chỉ |
|--|-------------------------------------|------------|
| 1. Kiến thức giáo dục đại cương | | |
| 1 | Triết học Mác- Lênin | 3 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác – Lê nin | 2 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 4 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 6 | Toán cao cấp 1 | 2 |
| 7 | Toán cao cấp 2 | 2 |
| 8 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3 |
| 9 | Pháp luật đại cương | 2 |
| <i>Học phần tự chọn (sinh viên chọn 1 trong 2 môn theo 02 nhóm định hướng)</i> | | |
| 10a | Tâm lý học | 2 |
| 10b | Logic ứng dụng trong kinh doanh | 2 |
| Các học phần giáo dục thể chất và quốc phòng – an ninh | | |
| 1 | Học phần Giáo dục thể chất 1 | 1 |
| 2 | Học phần Giáo dục thể chất 2 | 1 |
| 3 | Học phần Giáo dục thể chất 3 | 1 |
| 4 | Học phần Giáo dục thể chất 4 | 1 |
| 5 | Học phần Giáo dục thể chất 5 | 1 |
| 6 | Giáo dục quốc phòng – an ninh | 8 |
| 2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | | |
| 2.1. Kiến thức cơ sở ngành | | |
| 1 | Kinh tế học vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế học vĩ mô | 3 |
| 3 | Luật kinh doanh | 3 |
| 4 | Quản trị học | 3 |
| 5 | Nguyên lý Marketing | 3 |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 |
| 7 | Tin học ứng dụng | 3 |

| | | |
|--|--|---|
| 8 | Kinh tế lượng | 3 |
| 9 | Nguyên lý kế toán | 3 |
| 10 | Nhập môn ngành kế toán | 2 |
| 11 | Lý thuyết tài chính – tiền tệ | 3 |
| 12 | Tài chính doanh nghiệp | 3 |
| 13 | Kế toán tài chính | 3 |
| 14 | Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán | 3 |
| Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng; lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục đại cương) | | |
| 15a | TTTC và các ĐCTC | 3 |
| 16a | Hoạt động kinh doanh ngân hàng | 3 |
| 17a | Thuế | 3 |
| 18a | Thẩm định giá tài sản | 3 |
| 19a | Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số | 3 |
| 20a | Thanh toán quốc tế | 3 |
| 21a | Phân tích tài chính doanh nghiệp | 3 |
| 15b | Cơ sở lập trình | 3 |
| 16b | Phân tích dữ liệu kế toán với Python | 3 |
| 17b | Trực quan hóa dữ liệu kế toán với Python | 3 |
| 2.2. Kiến thức ngành | | |
| 1 | Kiểm toán căn bản | 3 |
| 2 | Hệ thống thông tin kế toán | 3 |
| 3 | Kế toán ngân hàng | 3 |
| 4 | Kế toán quốc tế | 3 |
| 5 | Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù | 3 |
| Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng; lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục đại cương) | | |
| 6a | Kế toán công | 3 |
| 7a | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao | 3 |
| 8a | Kế toán quốc tế nâng cao | 3 |
| 9a | Kế toán Ngân hàng nâng cao | 3 |
| 10a | Kiểm soát nội bộ | 3 |
| 6b | Kiểm toán công nghệ thông tin | 3 |

| | | |
|------------------------------------|---|---|
| 7b | Phân tích dữ liệu kế toán với Python nâng cao | |
| 8b | Học máy cho kế toán với Python | 3 |
| 9b | Chuỗi khối ứng dụng trong tài chính, kế toán | 3 |
| 2.3. Kiến thức chuyên ngành | | |
| 1 | Kế toán Chi phí | 3 |
| 2 | Kế toán quản trị | 3 |
| 3 | Kế toán tài chính nâng cao | 3 |
| 4 | Kiểm toán báo cáo tài chính | 3 |
| 5 | Kiểm toán ngân hàng | 3 |
| 6 | Thực tập tốt nghiệp | 3 |
| 7 | Khoá luận tốt nghiệp | 9 |

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

10.2. Các học phần tự chọn: Sinh viên chọn các môn tự chọn theo 2 định hướng đào tạo. Khi đã chọn môn học tự chọn theo định hướng đào tạo nào thì các môn tự chọn tiếp theo cũng phải chọn theo cùng định hướng đó. Các môn tự chọn chia theo định hướng đào tạo bao gồm:

| | Định hướng 1 (truyền thống) | Định hướng 2 (Digital Accounting) |
|--|--|--|
| Các môn tự chọn đại cương (Sinh viên chọn 01 môn học) | Tâm lý học | Logic ứng dụng trong kinh doanh |
| Các môn cơ sở ngành (sinh viên chọn 3 trong số các môn học) | Thị trường tài chính và ĐCTC | Cơ sở lập trình |
| | Hoạt động kinh doanh ngân hàng | Phân tích dữ liệu kế toán với Python |
| | Thuế | Trực quan hóa dữ liệu kế toán với Python |
| | Thẩm định giá tài sản | |
| | Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số | |
| | Thanh toán quốc tế | |

| | | |
|--|-------------------------------------|---|
| | Phân tích tài chính doanh nghiệp | |
| Các môn ngành (sinh viên chọn 3 trong số các môn học) | Kế toán công | Phân tích dữ liệu kế toán với Python nâng cao |
| | Hệ thống thông tin kế toán nâng cao | Học máy cho kế toán với Python |
| | Kế toán quốc tế nâng cao | Chuỗi khối ứng dụng trong tài chính, kế toán |
| | Kế toán ngân hàng nâng cao | Kiểm toán công nghệ thông tin |
| | Kiểm soát nội bộ | |

10.3 Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp được tổ chức giảng dạy trên cơ sở nâng cao, mở rộng so với Chương trình đào tạo hệ đại học chính quy chuẩn và được giảng viên thể hiện cụ thể trong đề cương và kế hoạch thực hiện môn học.

10.4 Các môn học có yêu cầu thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế được tổ chức lồng ghép trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.

10.5 Ít nhất 20% khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (tương đương 3 – 4 môn học) được tổ chức giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên được yêu cầu viết khóa luận tốt nghiệp, trong đó tối thiểu phần tóm tắt khóa luận (tối thiểu 28 dòng trên 4 trang giấy khổ A4) được thể hiện bằng tiếng Anh.

10.6 Chuẩn Tin học

- **Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:**

- Sinh viên đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức;
- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường cấp;
- Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

- **Chuẩn Tin học đầu ra: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:**

- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;

(b) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

10.7. Chuẩn tiếng Anh

- Chương trình tiếng Anh tăng cường được thực hiện theo quy định về tổ chức giảng dạy tiếng Anh tăng cường dành cho sinh viên hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

- Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 3/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

- Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

10.8. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển các nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm. Các học phần kỹ năng mềm là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

10.9. Nghiên cứu khoa học: Trong cả khóa học, mỗi sinh viên CTĐTCLC phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐTCLC. Đây là một trong những điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung